

Bản án số: 07/2019/HNGĐ- ST

Ngày 19/4/2019

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Thuần.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Chinh.

2. Ông Nguyễn Văn Lam.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Hoàng Đức Quỳnh T, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Lộc T, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk L.

***Bị đơn:*** Anh Trần Đình P, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Lộc T, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-02-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Đức Quỳnh T trình bày có nội dung:* Ngày 15/02/2012 chị và anh Trần Đình P cưới nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk L. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì giữa chị và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay, sau nhiều năm ly thân tình cảm vợ chồng rạn nứt, hai bên gia đình nội ngoại cùng ngồi lại hòa giải nhiều lần, nhưng mâu thuẫn vẫn còn. Giữa hai anh chị không có tình cảm vợ chồng với nhau. Đến thời điểm hiện tại, chị thấy không thể duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình P.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh P có 01 người con chung là Trần Thị Thủy T, sinh ngày 09/4/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến tuổi thành niên. Do cháu là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ và hiện chị đang nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Pháp phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Đình P trình bày có nội dung:* Ngày 15/02/2012 anh và chị T cưới nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk L. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì giữa anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2013, nên giữa hai anh chị không có tình cảm vợ chồng với nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị T có 01 người con chung là Trần Thị Thủy T, sinh ngày 09/4/2012. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh P và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:* Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự đầy đủ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Căn cứ hồ sơ vụ án, kết quả hỏi tại phiên tòa thì đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Hoàng Đức Quỳnh T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu của đương sự:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Đức Quỳnh T và anh Trần Đình P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2012 tại UBND xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk L. Quá trình chung sống, chị T cho rằng hai vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2013. Anh P cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, giữa hai anh chị không còn tình cảm vợ chồng với nhau, đã ly thân. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị T và anh P đã không còn tình cảm vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Trong quá trình giải quyết chị T, anh P thuận tình ly hôn, nên giải quyết cho chị Hoàng Đức Quỳnh T ly hôn với anh Trần Đình P là phù hợp với Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Hoàng Đức Quỳnh T và anh Trần Đình P có 01 người con chung là Trần Thị Thủy T, sinh ngày 09/4/2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh P đều có yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Nên, cần phải xem xét đến việc giao con cho ai nuôi dưỡng là cần thiết. Hội đồng xét xử xét thấy việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tuy nhiên hiện cháu T đang sống với mẹ tại thôn Lộc T, xã Phú L, cháu T có nguyện vọng muốn ở với chị T và đồng thời chị T có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Đức Quỳnh T không yêu cầu anh Trần Đình P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản: Chị Hoàng Đức Quỳnh T và anh Trần Đình P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Đức Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010507 ngày 21/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông N, tỉnh Đắk L là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Đức Quỳnh T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Đức Quỳnh T và anh Trần Đình P.

**2. Về con chung:** Giao con chung là cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 09/4/2012 cho chị Hoàng Đức Quỳnh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến tuổi thành niên. Anh Trần Đình P có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Hoàng Đức Quỳnh T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. *Về tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Hoàng Đức Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010507 ngày 21/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông N, tỉnh Đắk L. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk L;
- VKSND huyện Krông N;
- Chi cục THADS huyện Krông N ;
- UBND xã Phú L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Phạm Minh Thuận**